

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: **TRẦN NGỌC THÊM**

- Năm sinh: 1951

- Giới tính: Nam

- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng):

+ TS: 2007, Liên Xô (Đại học Quốc gia Leningrad)

+ TSKH: 2008, Liên Xô (Đại học Quốc gia Leningrad)

- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm):

+ PGS: 1992, làm việc tại Trường ĐHTH Hà Nội (thời đó chưa có chế độ bổ nhiệm)

+ GS: 2002, làm việc tại Trường ĐH KHXH-NV ĐHQG-Tp. HCM (thời đó chưa có chế độ bổ nhiệm)

- Ngành, chuyên ngành khoa học:

+ Văn hóa học (theo thực tế hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học)

+ Ngôn ngữ học (theo bằng cấp)

- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): GVCC khoa Đông phương học Trường ĐH KHXH-NV, ĐHQG-Tp. HCM.

- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa văn hóa học, Trưởng Khoa Đông phương học

- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):

+ Hội đồng Giáo sư cơ sở Trường ĐH KHXH-NV, ĐHQG-Tp. HCM, liên tục từ khoảng 2002 đến nay.

- + Chủ tịch Hội đồng Giáo sư cơ sở Trường ĐH Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh (HUTECH), năm 2019
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):
 - + Hội đồng Giáo sư ngành Ngôn ngữ học (từ 2003 đến 2019, Chủ tịch từ 2008 đến 2019)
 - + Hội đồng Giáo sư liên ngành Văn hóa, Nghệ thuật, TDTT (2019)
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):
 - + Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2008-2013
 - + Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2014-2019

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

a) Tổng số sách đã chủ biên: 3 sách chuyên khảo; 1 giáo trình.

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

- (1) Trần Ngọc Thêm (2014) *Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng*. – Tp. HCM: Nxb Văn hóa - Văn nghệ, 675 tr.
- (2) Trần Ngọc Thêm (2016). *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*. – Tp. HCM: Nxb Văn hóa - Văn nghệ, 589 tr.
- (3) Trần Ngọc Thêm (2017). *Hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*. – H.: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 603 tr.
- (4) Trần Ngọc Thêm (2019) 《探索越南文化本色——从系统及类型论的视角》 [M]. 台湾：亚细亚国际传播社，2019. (bản dịch tiếng Hoa cuốn “Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam”, xuất bản tại Đài Loan)
- (5) ລະບົບຄຸນຄ່າຂອງຫວຽດນາມໃນໄລຍະຫັນເປັນອຸດສາຫະ ກຳ, ທັນສະ ໄໝ ແລະເຊື່ອມໂຍງເຂົ້າກັບສາກົນ. ສຳ ນັກພິມ ຈຳ ໜ່າຍ ການເມືອງແຫ່ງຊາດ - ຄວາມຈິງ, 773 ໜ້າ (bản dịch tiếng Lào cuốn “Hệ giá trị Việt Nam trong thời

kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật xuất bản năm 2019, 773 tr.).

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 87 bài báo tạp chí trong nước; 12 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- Trong nước:

- (1) Trần Ngọc Thêm 2014: *Nguồn gốc năng lực phi thường của Phật giáo trong việc phát huy các nền văn hóa dân tộc ở Đông Á.* – In trong: Tạp chí Triết học, số 1 (272), tr. 36-41.
- (2) Trần Ngọc Thêm 2014: “Ngôi” và “Đi” hay “Ổn định” và “Biến động” trong hệ giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam qua cú liệu ngôn ngữ. - In trong: Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư, số 6 (32), tr. 4-9.
- (3) Trần Ngọc Thêm 2014: *Những biến động trong quan niệm về giá trị của các khu vực văn hóa trên thế giới.* - In trong: Tạp chí Phát triển khoa học & công nghệ – khoa học xã hội & nhân văn (ĐHQG-HCM), tập 17, X5/2014, tr. 54-61.
- (4) Trần Ngọc Thêm 2015: *Đề xuất hệ giá trị Việt Nam.* - In trong: t/c *Lý luận và thực tiễn* (của Hội đồng Lý luận Trung ương), số 19 (153), tháng 3-2015, tr. 31-37.
- (5) Trần Ngọc Thêm 2015: *Hệ giá trị Việt Nam nhìn từ kết quả khảo sát 2014: thực trạng và đề xuất.* – In trong: t/c “Khoa học công nghệ Việt Nam” (của Bộ KH-CN), tập 1, số 5, tr. 47-54.
- (6) Trần Ngọc Thêm 2015: *Góp bàn về xây dựng mô hình hệ giá trị định hướng cốt lõi.* – In trong: t/c Tuyên giáo (của Ban Tuyên giáo Trung ương), số 5, tr. 56-60.
- (7) Trần Ngọc Thêm 2015: *Cơ sở lý luận về giá trị, giá trị văn hóa cho việc xây dựng hệ giá trị Việt Nam mới.* – t/c Triết học, số 2, tr. 38-45.
- (8) Trần Ngọc Thêm 2015: *Từ “ngôi” đến “đi” hay từ “ổn định” đến “biến động” trong hệ giá trị văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.* – In trong: “Việt Nam học: những phương diện văn hóa truyền thống”. – H.: NXB KHXH, tr. 1183-1190
- (9) Trần Ngọc Thêm 2015: *Một số khiếm khuyết thường gặp trong các công trình xuất bản bằng tiếng Việt về văn hóa Korea.* – In trong: “Tạp chí Hàn Quốc”, số 2 (12), tr. 8-19.
- (10) Trần Ngọc Thêm 2016: *Huyền thoại về tính cần cù của người Việt Nam.* . – In trong: “Giảng dạy và nghiên cứu Việt Nam học và tiếng Việt: những vấn đề lý thuyết và thực tiễn. – NXB ĐHQG Tp. HCM, tr. 687-690.

- (11) Trần Ngọc Thêm 2016: *Hệ giá trị Việt Nam và việc giáo dục trong nhà trường phổ thông Việt Nam nửa đầu thế kỷ XXI*. – In trong: “Giá trị và phương pháp giảng dạy các môn khoa học xã hội trong nhà trường phổ thông”. - Tp. HCM: NXB ĐHQG Tp. HCM, tr. 28-56
- (12) Trần Ngọc Thêm (viết chung với Nguyễn Thảo Chi) 2016: *Khái niệm “chữ” trong văn hóa Việt*. – t/c Từ điển học và Bách khoa thư, số 3 (41), tháng 5, tr. 9-17
- (13) Trần Ngọc Thêm 2016: *Hệ giá trị với tư cách mục tiêu phát triển nhân cách của nền giáo dục quốc dân Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XXI*. – Trong: Quỹ Hòa bình và phát triển Việt Nam 2016: *Hệ giá trị - mục tiêu phát triển nhân cách người học của hệ thống giáo dục*. – H.: NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 95-121.
- (14) Trần Ngọc Thêm 2016: *Về quan hệ giữa văn tự ghi âm và văn tự ghi hình ở Đông Á từ góc nhìn văn hóa*. – Trong: “Chữ Quốc ngữ: sự hình thành, phát triển và đóng góp vào văn hóa Việt Nam”. - Tp. HCM: Nxb ĐHQG, tr. 1137-1147.
- (15) Trần Ngọc Thêm 2017: *Văn hóa dân gian và giao lưu văn hóa ở Việt Nam*. – Trong: “Văn hóa dân gian và giao lưu xuyên văn hóa ở Đông Nam Á”, Tp. HCM: NXB ĐHQG Tp. HCM, tr. 3-13.
- (16) Trần Ngọc Thêm 2018: *Cơ sở xác lập hệ giá trị Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*. – Trong: T/c Văn hóa học, số 3(37), tr. 3-10.

- Quốc tế:

- (1) Tran Ngoc Them 2016: *Values Research and Education by Yi-ological-Systemic-Typological Method in Integration Context*. - Philosophy Study, Volume 6, Number 9, September (Serial Number 55), pp. 534-540. ISSN 2159-5313

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 2 cấp Nhà nước; 4 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liên kế với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

- (1) “*Hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*”, mã số KX.04.15/11-15; thực hiện 2012-2015; cấp Nhà nước; Chủ nhiệm đề tài.

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: sáng chế, giải pháp hữu ích

- Tổng số có: tác phẩm nghệ thuật

- Tổng số có: thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 12 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

(1) Trần Phú Huệ Quang. *Đặc thù hai miền nam bắc Trung Quốc qua văn hóa tinh thần*. Trường ĐH KHXH- NV, ĐHQG Tp. HCM, 2014.

(2) Nguyễn Văn Thành. *Phương thức biểu hiện quan hệ nhân quả trong văn bản tiếng Anh và tiếng Việt*, Trường ĐH KHXH- NV, ĐHQG Tp. HCM, 2014.

(3) Phạm Thị Thúy Nguyệt. *Xã hội internet và văn hóa Việt Nam đương đại*, Trường ĐH KHXH- NV, ĐHQG Tp. HCM, 2014.

(4) Nguyễn Thị Phụng. *Sự biến đổi hệ giá trị văn hóa gia đình nông thôn trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay (nghiên cứu trường hợp một số làng ở châu thổ Bắc Bộ)*. Viện Văn hóa - Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam, 2018.

(5) Nguyễn Thị Bích Phượng. *Tính cách văn hóa Đức*. Trường ĐH KHXH- NV, ĐHQG Tp. HCM, 2020.

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (*Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...*):

Một số chuyên khảo, giáo trình chính:

(1) Trần Ngọc Thêm: *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. - ĐHTH Tp.HCM, 1995, 504 tr. (tái bản có bổ sung và sửa chữa các năm: 1996, 380 tr.; 1997, 280 tr.. NXB Giáo dục, 1997, 334 tr. (tái bản các năm: 1998, 1999).

(2) Trần Ngọc Thêm: *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. – NXB Tp.HCM, 1996, 670 tr. (tái bản có bổ sung và sửa chữa các năm: 1997, 2001, 2004).

- (3) *Recherche sur l'identité de la culture vietnamienne.* – Edition The Gioi, 2001, 852 p. (Bản dịch tiếng Pháp cuốn “*Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*”). tái bản các năm: 2006, 2008.
- (4) Trần Ngọc Thêm (cb), Phạm Hồng Quang: *Văn hoá học và văn hóa Việt Nam.* – H.: NXB Đại học Sư phạm, 2003, 215 tr. (tái bản các năm: 2004, 2006).

Một số bài báo chính:

1. Trần Ngọc Thêm 1999: *Vai trò của thực vật trong đời sống văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á.* – t/c Văn hóa dân gian, số 4, tr. 17-28.
2. Trần Ngọc Thêm 1999: *Vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.* – T/c Khoa học Xã hội, số 42, tr. 24-32.
3. Trần Ngọc Thêm 2000: *Khái luận về văn hóa.* – Sách: Phác thảo chân dung văn hóa Việt Nam, HN, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, tr. 17-36
4. Trần Ngọc Thêm 2004: *Vai trò của tính cách dân tộc trong tiến trình phát triển ở Hàn Quốc (có so sánh với Việt Nam).* – In trong: T/c *Nghiên cứu con người*, số 6 (15), 2004, tr. 53-60.
5. Trần Ngọc Thêm 2004: *Korean studies in Vietnam.* – In: “International review of Korean Studies”, vol. 1, number 1, January-December 2004, p. 161-176.
6. Trần Ngọc Thêm 2007: *Âm thực và âm thực Việt Nam từ góc nhìn triết lý âm dương.* - Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm, tập 3+4, tháng 12-2007, tr. 13-22.
7. Tran Ngoc Them 2007: *Korean Culture Studies at the University of Social Sciwences and Humanities*, Ho Chi Minh City: Theoretical Foundations [A research and Teaching Note]. – In: International Review of Korean Studies, Vol. 4, No. 1, 2007, pp. 137-146.
8. Trần Ngọc Thêm 2009: *Sự phát triển của Đông Á từ góc nhìn hệ thống loại hình văn hoá (so sánh với Việt Nam).* T/c “Nghiên cứu Trung Quốc” số 3, 2009, tr. 10-23.
9. Trần Ngọc Thêm 2010: *Quốc hiệu và tên gọi Korea qua các thời đại.* – T/c Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 12, tr. 43-50.
10. Trần Ngọc Thêm 2012: *Huyền thoại lập quốc của Korea nhìn từ phương pháp hệ thống - loại hình.* – Tạp chí Hàn Quốc, số 1, tr. 7-14.
11. Trần Ngọc Thêm 2013: *Người Việt Nam ở nước ngoài với việc bảo tồn và truyền bá văn hóa dân tộc.* - T/c Phát triển Khoa học & Công nghệ - ĐHQG-HCM, tập 15, số X2, tr. 19-30.
12. Trần Ngọc Thêm 2013: *Nguồn gốc Đông Nam Á của triết lý âm dương.* - T/c Triết học, số 1 (260), tr. 32-40.
13. 陈玉添 2013: 「越南阴阳哲理的起源及其对越南人性格之影响」, 大易早期易学的形成与嬗变国际学术研讨会论文集》.-大易集思/ 刘大钧主编. 上海: 上海科学技术文献出版社, 2013, 466-473 页(Trần Ngọc Thêm - *Nguồn gốc Đông Nam Á của triết lý âm dương và ảnh hưởng của nó đối với tính*

cách người Việt. – In trong: *Đại Dịch tập tư/ Lưu Đại Quân* chủ biên. - Thượng Hải: NXB Khoa học Kỹ thuật Văn hiến Thượng Hải, tr. 466-473)

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

Giải đồng sách hay (Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng. – Tp. HCM: Nxb Văn hóa - Văn nghệ, 2013, 675 tr.), Hội xuất bản Việt Nam, 2015.

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: tiếng Nga
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: trình độ B

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Ngọc Thêm